

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:55/2018/HSST
Ngày 24-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Phú

Bà Nguyễn Thị Kim Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A; Tòa án đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Thị Ngọc L, sinh năm **1965**; Cư trú tại: Ấp V, xã Vĩnh T, huyện A, An Giang; nghề nghiệp: kế toán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Dương Văn N (đã chết) và bà Phan Thị H (đã chết); chồng Nguyễn Văn H, sinh năm: 1963; Có 02 con sinh năm 1987 và 1992; Nhân thân: Lúc nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 12. Năm 1990 được tuyển dụng vào công tác tại Trường trung học cơ sở V, được phân công nhiệm vụ làm kế toán cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: chưa

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Minh H, sinh năm 1963

Cư trú: ấp H, xã Đ, huyện A, An Giang.

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1971

Cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, An Giang

3. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979.

Cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, An Giang.

4. Ông Phan Ngọc Th, sinh năm 1958

Cư trú: Ấp A, thị trấn A, huyện A, An Giang.

5. Ông Phan Thanh S, sinh năm 1971;

Cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, An Giang

Tại phiên tòa ông P, ông T, ông T có mặt. Ông H, ông S vắng mặt, riêng ông S có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/02/2017, Ủy ban nhân dân huyện A có Công văn số 108 gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A về việc kiến nghị khởi tố đối với Đặng Thị Ngọc L – nguyên kế toán Trường Trung học cơ sở (THCS) V có hành vi chiếm dụng tiền ngân sách nhà nước.

Qua điều tra xác định: Từ năm 1990 đến tháng 4/2015, Đặng Thị Ngọc L được phân công làm kế toán tại Trường THCS V với nhiệm vụ: mở các loại hồ sơ sổ sách theo quy định về tài chính - kế toán; tham mưu với Lãnh đạo dự trù kinh phí theo quy định về sử dụng ngân sách nhà nước; rút và quyết toán các khoản lương, phụ cấp, hoạt động, lập các loại báo cáo tháng, quý, năm về tình hình sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng thời gian; theo dõi quá trình nâng lương của giáo viên để làm hồ sơ nâng lương kịp thời cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; kết hợp với công đoàn cập nhật và kết sổ bảo hiểm đúng đối tượng và thời gian quản lý, cập nhật hồ sơ viên chức đơn vị; bảo quản, theo dõi, kiểm kê tài sản vào cuối năm học và năm tài chính.

Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, trong giai đoạn từ tháng 01/2013 đến tháng 4/2015: Đặng Thị Ngọc L đã trích tiền thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện hàng tháng của cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS V với tổng số tiền **518.594.403 đồng** nhưng chỉ nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện A **144.388.523 đồng**, còn lại **374.205.880 đồng** L giữ lại tiêu xài cá nhân.

Để có tiền trả cho Bảo hiểm xã hội huyện A **374.205.880 đồng** đã chiếm đoạt, L đã nâng khống phần tiền bảo hiểm do ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng cách lập giấy rút dự toán ngân sách đưa đến Kho bạc nhà nước huyện A để chuyển số tiền **1.418.341.809 đồng** vào tài khoản của Bảo hiểm xã hội huyện A. Thực tế ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS V từ tháng 01/2013 đến tháng 4/2015 chỉ có **1.119.190.379 đồng**, L nâng khống **299.151.430 đồng** để bù vào số tiền đã chiếm đoạt **374.205.880 đồng**. Trong quá trình này Bảo hiểm xã hội huyện A đã trừ số tiền L nâng khống vào tiền nợ bảo hiểm năm 2012 của Trường là **158.264.229 đồng** và hoàn trả tiền bảo hiểm thất nghiệp cho Hiệu trưởng Trường số tiền **5.372.079 đồng**. Phần còn lại nợ

Bảo hiểm xã hội huyện A là **75.054.450 đồng**. Nên số tiền **374.205.880 đồng** L chiếm đoạt là tiền ngân sách nhà nước phân bổ cho Trường theo dự toán hàng năm. Cụ thể như sau:

- Từ tháng 01 đến tháng 12/2013 số tiền thu bảo hiểm của cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường phải nộp là 198.143.683 đồng nhưng L chỉ nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện A 2.545.345 đồng, còn 195.598.338 đồng L chiếm đoạt sử dụng. Theo quy định thì phần tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cá nhân từ tháng 01 đến tháng 12/2013 là 443.624.540 đồng nhưng L nâng khống thành 648.295.849 đồng để bù vào phần tiền đã chiếm đoạt.

- Từ tháng 01 đến tháng 12/2014 số tiền thu bảo hiểm của cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường phải nộp là 241.407.064 đồng nhưng L chỉ nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện 102.208.939 đồng, còn 139.198.125 đồng L chiếm đoạt sử dụng. Theo quy định thì phần tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cá nhân từ tháng 01 đến tháng 12/2014 là 507.501.986 đồng nhưng L nâng khống thành 585.963.078 đồng để bù vào phần tiền đã chiếm đoạt.

- Từ tháng 01 đến tháng 4/2015 số tiền thu bảo hiểm của cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường phải nộp là 79.043.656 đồng nhưng L chỉ nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện A 39.634.239 đồng, còn 39.409.417 đồng L chiếm đoạt sử dụng. Theo quy định thì phần tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cá nhân từ tháng 01 đến tháng 4/2015 là 168.063.853 đồng nhưng L nâng khống thành 184.082.882 đồng để bù vào phần tiền đã chiếm đoạt.

L lợi dụng sự tin tưởng, trình Hiệu trưởng duyệt thanh toán và giấy rút dự toán ngân sách nhà nước để làm thủ tục rút ngân sách tại Kho bạc nhà nước huyện An. Sau khi thủ quỹ nhận tiền về chi lương cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên; phần tiền còn thừa L yêu cầu đưa để nói là nộp tiền bảo hiểm xã hội (phần người lao động phải nộp) để chiếm đoạt.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Thị Ngọc L đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp lời khai của người liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hiện, L đã nộp khắc phục số tiền chiếm đoạt được tổng cộng 374.304.097 đồng – trong đó có 10.000.000 đồng tự nộp vào tài khoản Bảo hiểm xã hội huyện A và 10.000.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Bản cáo trạng số 44/CT-VKS-AP ngày 12/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Đặng Thị Ngọc L về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353, của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo L khai nhận nội dung như bản cáo trạng Kiểm sát viên vừa công bố.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo

trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Đặng Thị Ngọc L, mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tham ô tài sản”.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý tịch thu số tiền nộp khắc phục của bị cáo để sung quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công việc kế toán, công tác tài chính từ 02 năm đến 03 năm. Đề nghị kiểm điểm các cá nhân có liên quan đến sai phạm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo L xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo trở về lo cho gia đình và điều trị bệnh cho bản thân

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo, trong thời gian công tác cũng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và đã khắc phục xong hậu quả của hành vi do bị cáo gây ra,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và ý kiến trong hồ sơ. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả.

[4] Trong thời gian qua Đảng và Nhà nước ta quyết tâm đẩy lùi tệ nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị, đặc biệt là các vụ án tham nhũng về kinh tế lớn đã và đang được đưa ra xét xử trên phạm vi cả nước, đang dần lấy lại niềm tin trong quần chúng nhân dân.

Với một quyết tâm chính trị rất cao là cần phải giữ vững kỷ cương phép nước, nghiêm trị tới nơi tới chốn tệ nạn tham nhũng với một phương châm là không có vùng cấm, không có ngoại lệ, xử lý nghiêm minh những kẻ tham nhũng, bất kể người đó là ai và nắm giữ bất cứ cương vị nào. Qua việc xét xử các vụ án tham nhũng, cũng thu hồi một cách tối đa thiệt hại cho ngân sách Nhà nước do tham nhũng gây ra, đó cũng là tiền thuế của dân.

Trên địa bàn huyện A thời gian qua đã xảy ra nhiều vụ án tham nhũng mà các bị cáo là cán bộ, công chức, viên chức đã lợi dụng sự thiếu kiểm tra, giám sát trong công tác chi tiền lương, thu nộp ngân sách, thu, chi tiền bảo hiểm xã hội. Rồi từ đó, chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân, làm ảnh hưởng đến uy tín của cả hệ thống chính trị, làm suy giảm lòng tin của quần chúng nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế, việc cân đối ngân sách trên địa bàn và đặc biệt là sẽ dẫn đến hậu quả là mất khả năng chi trả của quỹ bảo hiểm xã hội, điều này sẽ gây ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức về sau, khi họ sẽ về hưu hoặc thôi việc.

[5] Nhận định về tội danh:

Bị cáo Đặng Thị Ngọc L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng cũng như sự không am hiểu về nghiệp vụ kế toán, đi cùng với đó là sự thiếu sự kiểm tra, giám sát của Hiệu trưởng nhà trường. Từ đó, bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội do người lao động có nghĩa vụ giao nộp, rồi sau đó hợp thức hóa việc làm của mình bằng cách rút tiền từ ngân sách để chuyển trả cho quỹ bảo hiểm xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn được phân công là kế toán để thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt nhiều lần, số tiền chiếm đoạt 374.205.088đ. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo về tội: “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhìn nhận hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự, bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, bản thân cũng có nhiều thành tích và được nhà trường cũng như phòng giáo dục khen thưởng, quá trình công tác ít nhiều cũng có sự cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của huyện nhà. Bản thân bị cáo hiện nay cũng đang bị bệnh u xơ thành sau tử cung và đang điều trị. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết trên và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Căn cứ khoản 4, Điều 4 Luật phòng, chống tham nhũng 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2007, năm 2012 có quy định “Người có hành vi tham nhũng đã chủ động khai báo trước khi bị phát hiện, tích cực hạn chế thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra, *tự giác nộp lại tài sản tham nhũng thì có thể được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật, giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật*”.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng là thỏa đáng. Điều đó cũng nhằm giúp cho bị cáo sớm trở về với gia đình, tái hòa nhập với cuộc sống của cộng đồng xã hội.

[9] Xử lý các cá nhân có liên quan đến sai phạm:

Đối với ông Dương Minh H, ông Nguyễn Văn P, nguyên là hiệu trưởng của trường trung học cơ sở V cũng đã không hoàn thành, chức trách, nhiệm được giao đó là thiếu sự kiểm tra, giám sát để cho bị cáo L tự ý rút và chiếm đoạt tiền từ ngân sách Nhà nước mà không hay biết. Tương tự đối với ông Nguyễn Thanh T cũng đã không hoàn thành nhiệm vụ của mình, với vai trò thủ quỹ ông đã không trực tiếp giao nộp tiền quỹ bảo hiểm xã hội do cá nhân đóng góp, mà giao cho bị cáo nộp thay. Từ đó, tạo điều kiện cho bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt như nội dung vụ án. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét kiểm điểm một cách nghiêm túc các cá nhân có liên quan đến sai phạm của bị cáo L để kịp thời chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ trong thời gian tới.

[10] Về xử lý tiền tham ô mà bị cáo đã giao nộp:

Số tiền 374.304.097 đồng theo giấy ủy nhiệm chi ngày 24/7/2018 và biên lai thu số 0003103 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A chuyển nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 374.205.088đ, số tiền còn lại 99.000đ, tuyên trả lại cho bị cáo

Ngoài ra, cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến nghề nghiệp theo quy định tại khoản 5 điều 353 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có điều kiện khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2; khoản 5 Điều 353; Điều 38; Điều 47; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 106; Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4, Điều 4 Luật phòng, chống tham nhũng 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2007, năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Ngọc L phạm tội “Tham ô tài sản”

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Ngọc L 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Cấm bị cáo **Đặng Thị Ngọc L** đảm nhiệm chức vụ, công tác liên quan đến nghiệp vụ kế toán thời hạn là 03 năm, sau khi chấp hành xong hình phạt.

Về các vấn đề khác:

Số tiền 374.205.088 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm lẻ năm ngàn không trăm tám mươi tám đồng) theo giấy ủy nhiệm chi ngày 24/7/2018 và biên lai thu số

0003103 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A chuyển nộp vào Ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo L 99.000đ, số tiền mà bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả còn thừa lại.

Về án phí:

Buộc bị cáo Đặng Thị Ngọc L phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm; riêng đối với người có quyền lợi liên quan vắng mặt, thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng